TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/ QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1976 (Có mặt);

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1970 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: K P Đ Q, T T T B, huyện A B, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày như sau*:

Chị và anh Nguyễn Văn G chung sống với nhau vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 28/3/1992, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung

sống, anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 01/01/2001, các con của anh chị nay đã thành niên; về tài sản và nợ chung chị xác định không có. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống gia đình ngột ngạt, anh chị thường xuyên cự cải, dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân nhau hơn 05 năm nay không thể hàn gắn với nhau được. Chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn G; về quan hệ con chung, anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 01/01/2001, các con của anh chị nay đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ chung, chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Văn G trình bày*:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, về con chung; thống nhất về tài sản và nợ chung không có. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị N; về quan hệ con chung, anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 01/01/2001, các con của anh chị nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ chung, anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: 04 giấy chứng minh nhân dân (03 bản sao, 01 bản phô tô), 01 sổ hộ khẩu (bản sao); 01 đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn (bản gốc); 01 đơn xác nhận cư trú của đương sự (bản gốc).

** Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Lê Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Về quan hệ con chung không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ chung không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn G đồng ý ly hôn với chị Lê Thị N; về quan hệ con chung không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ chung không có, anh không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh G, anh chị cư trú tại K P Đ Q, TT T B, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị N và anh G chung sống với nhau vào năm 1992, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi một trong hai người cư trú)* là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Khi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N yêu cầu được ly hôn với anh G thì anh G cũng đồng ý ly hôn với chị N nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị, mà không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh G là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Chị N và anh G thống nhất xác định có 02 con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 01/01/2001, hiện nay các con của anh chị đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh G thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án, nên buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005897 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 68, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G thống nhất xác định có 02 người con chung tên Nguyễn Văn A, sinh ngày 07/11/1994 và Nguyễn Thị N Y, sinh ngày 01/01/2001, nay các con của anh chị đã thành niên, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Văn G thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau khi ly hôn có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005897 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

5. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/02/2019.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Sang).

Trần Văn Thảo